

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thi;

Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 616/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ 22, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Hữu T (Q), sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 22, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/11/2020 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị P trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do mai mối, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà và ông T sống tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 2012 chuyển về xã K sinh sống. Trong quá trình chung sống bà và ông T thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T sống vô trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông T đánh đập bà nhiều lần, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên không còn chung sống với nhau nhiều năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên: 1/ Hồ Văn N, sinh ngày: 12/5/2000; 2/ Hồ Khánh D, sinh ngày: 05/4/2008, các cháu hiện nay đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu cấp dưỡng. Riêng cháu N đã trưởng thành và sống tự lập, bà không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận nhưng bà P không có ý kiến, thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp.

Để đảm bảo quyền lợi của ông T tòa án tiến hành ghi lời khai của ông T nhưng khi đến nhà thì ông T đi vắng không tiến hành ghi lời khai ông được.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/11/2020 được cháu Hồ Khánh D cho biết cha mẹ cháu không còn chung sống với nhau đã lâu, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 02/12/2020 được Công an xã K cho biết hiện ông Hồ Hữu T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà P vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Lê Thị P và ông Hồ Hữu T là quan hệ vợ chồng; về quan hệ con chung: giao cháu Hồ Khánh D, sinh ngày 05/4/2008 cho bà P được tiếp tục nuôi, ông T không cấp dưỡng. Riêng cháu Hồ Văn N, sinh ngày 12/5/2000 đã trưởng thành và sống tự lập nên đề nghị không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung bà P không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị P khởi kiện xin ly hôn với ông Hồ Hữu T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà P theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và sống chung từ năm 1999 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của bà P phù hợp với Giấy xác nhận số 07/UBND-GXN ngày 14/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang về việc bà P và ông T không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của bà P và ông T không có giá trị pháp lý. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không công nhận bà Lê Thị P và ông Hồ Hữu T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên: 1/ Hồ Văn N, sinh ngày 12/5/2000; 2/ Hồ Khánh D, sinh ngày 05/4/2008. Hiện bà P đang nuôi dạy, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện cho cháu D phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu D sau này được tốt hơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P giao cháu D cho P được tiếp tục nuôi dạy. Riêng cháu N đã trưởng thành và sống tự lập nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị P và ông Hồ Hữu T là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà P được tiếp tục nuôi cháu Hồ Khánh D, sinh ngày 05/4/2008.

Công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0004916 ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang